

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

<b>Tên chương trình:</b>	Chương trình Kỹ sư Công nghệ Da giày
<b>Trình độ đào tạo:</b>	Đại học hệ Vừa làm vừa học
<b>Ngành đào tạo:</b>	Công nghệ Da giày
<b>Mã ngành:</b>	52540206
<b>Bằng tốt nghiệp:</b>	Kỹ sư

(Ban hành tại Quyết định số /QĐ-ĐHBK-ĐTĐH ngày / /2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa Hà Nội)

### 1 Mục tiêu chương trình

Mục tiêu của Chương trình kỹ sư ngành Công nghệ Da giày là trang bị cho người tốt nghiệp:

- (1) Kiến thức cơ sở chuyên môn phù hợp để thích ứng tốt với những công việc khác nhau trong lĩnh vực rộng đồng thời có kiến thức chuyên sâu của một chuyên ngành hẹp của ngành da giày;
- (2) Kỹ năng chuyên nghiệp và phẩm chất cá nhân cần thiết để thành công trong nghề nghiệp;
- (3) Kỹ năng xã hội cần thiết để làm việc hiệu quả trong nhóm đa ngành và trong môi trường quốc tế;
- (4) Năng lực phát triển sản phẩm, xây dựng các giải pháp kỹ thuật, các dự án trong sản xuất và kinh doanh sản phẩm da giày;
- (5) Phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Sau khi tốt nghiệp, kỹ sư Công nghệ Da giày có thể làm việc ở các cơ sở sản xuất giày, sản phẩm da. Ngoài ra, có thể làm việc tại các viện nghiên cứu, các trường đào tạo (trung cấp, cao đẳng, đại học) có ngành da giày, các cơ quan và tổ chức quản lý có liên quan đến ngành da giày, hoặc học tiếp lên trình độ thạc sĩ.

### 2 Chuẩn đầu ra – Kết quả mong đợi

Sau khi tốt nghiệp, kỹ sư ngành Công nghệ Da giày của Trường ĐHBK Hà Nội phải có được:

1. Kiến thức cơ sở chuyên môn cần thiết để thích ứng tốt với những công việc khác nhau lĩnh vực rộng của ngành da giày:
  - 1.1 Khả năng áp dụng kiến thức cơ sở để mô tả, tính toán các quá trình sản xuất sản phẩm da giày.
  - 1.2 Khả năng áp dụng kiến thức cơ sở kỹ thuật về kỹ thuật điện, kỹ thuật nhiệt, cơ học, quản lý điều hành sản xuất, quản lý chất lượng và marketing sản phẩm da giày, an toàn lao động và môi trường sản xuất da giày, cơ sở mỹ thuật sản phẩm da giày để nghiên cứu, phân tích nguyên liệu, sản phẩm và các quá trình sản xuất sản phẩm da giày.
  - 1.3 Khả năng áp dụng kiến thức kỹ thuật về: Công nghệ da giày (Vật liệu da giày, công nghệ và thiết bị cắt may sản phẩm da giày, công nghệ và thiết bị gò ráp đế giày, thiết kế sản phẩm da giày, tạo mẫu giày và sản phẩm da, thiết kế dây chuyền sản xuất giày ...) để thiết kế sản phẩm da giày và thiết lập quy trình công nghệ sản xuất; đánh giá chất lượng sản phẩm da giày.

2. Kỹ năng chuyên nghiệp và phẩm chất cá nhân cần thiết để thành công trong nghề nghiệp:
  - 2.1 Lập luận phân tích và giải quyết các vấn đề kỹ thuật.
  - 2.2 Khả năng thử nghiệm, nghiên cứu và khám phá tri thức.
  - 2.3 Tư duy hệ thống và tư duy phê bình.
  - 2.4 Tính năng động, sáng tạo và nghiêm túc.
  - 2.5 Đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp.
  - 2.6 Hiểu biết các vấn đề đương đại và ý thức học suốt đời.
3. Kỹ năng xã hội cần thiết để làm việc hiệu quả trong nhóm đa ngành và trong môi trường quốc tế:
  - 3.1 Kỹ năng tổ chức, lãnh đạo và làm việc theo nhóm (đa ngành).
  - 3.2 Kỹ năng giao tiếp hiệu quả thông qua viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán, làm chủ tình huống, sử dụng hiệu quả các công cụ và phương tiện hiện đại.
  - 3.3 Kỹ năng sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong công việc.
4. Năng lực tham gia phát triển sản phẩm, xây dựng giải pháp kỹ thuật trong sản xuất sản phẩm da giày:
  - 4.1 Nhận thức về mối liên hệ mật thiết giữa giải pháp kỹ thuật với các yếu tố kinh tế, xã hội và môi trường trong thế giới toàn cầu hóa.
  - 4.2 Năng lực nhận biết vấn đề và hình thành ý tưởng giải pháp kỹ thuật, tham gia xây dựng dự án.
  - 4.3 Năng lực thiết kế sản phẩm, thiết lập công nghệ và các giải pháp kỹ thuật để sản xuất sản phẩm.
  - 4.4 Năng lực chế tạo sản phẩm, thực hiện các giải pháp kỹ thuật.
  - 4.5 Năng lực vận hành các trang thiết bị để chế tạo sản phẩm và thực hiện các giải pháp kỹ thuật.
5. Phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc:
  - 5.1 Có trình độ lý luận chính trị theo chương trình quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
  - 5.2 Có chứng chỉ Giáo dục thể chất và chứng chỉ Giáo dục quốc phòng-An ninh theo chương trình quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **3 Đối tượng tuyển sinh**

- 3.1 Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên, trung cấp chuyên nghiệp, trung học nghề, trung cấp nghề trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh đại học theo hình thức vừa làm vừa học (VLVH) của Trường ĐHBK Hà Nội sẽ theo học chương trình kỹ sư hệ VLVH.
- 3.2 Người đã tốt nghiệp cao đẳng chuyên nghiệp, cao đẳng nghề cùng nhóm ngành trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh đại học theo hình thức vừa làm vừa học của Trường ĐHBK Hà Nội sẽ theo học chương trình liên thông đại học hệ VLVH.
- 3.3 Người đã có bằng tốt nghiệp đại học có nguyện vọng học đại học văn bằng hai theo hình thức VLVH, được xét tuyển thẳng vào học chương trình bằng hai hệ VLVH.

## **4 Thời gian đào tạo và khối lượng kiến thức toàn khóa**

### **4.1 Chương trình kỹ sư hệ vừa làm vừa học**

- Thời gian đào tạo theo thiết kế: 5 năm.
- Khối lượng kiến thức toàn khóa: 151 tín chỉ (TC)

## 4.2 Chương trình liên thông hệ vừa làm vừa học

- Thời gian đào tạo theo thiết kế: 2 năm.
- Khối lượng kiến thức toàn khoá: 72 tín chỉ (TC)

## 4.3 Chương trình bằng hai hệ vừa làm vừa học

- Thời gian đào tạo theo thiết kế: 2 năm.
- Khối lượng kiến thức toàn khoá: 72 tín chỉ (TC)

## 5 Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp áp dụng **Quy chế đào tạo đại học hệ vừa làm vừa học theo học chế tín chỉ** của Trường ĐHBK Hà Nội.

## 6 Thang điểm

Điểm chữ (A, B, C, D, F) và thang điểm 4 quy đổi tương ứng được sử dụng để đánh giá kết quả học tập chính thức. Thang điểm 10 được sử dụng cho điểm thành phần (điểm tiện ích) của học phần.

	Thang điểm 10 (điểm thành phần)	Thang điểm 4	
		Điểm chữ	Điểm số
Điểm đạt*	từ 9,5 đến 10	A+	4,0
	từ 8,5 đến 9,4	A	4,0
	từ 8,0 đến 8,4	B+	3,5
	từ 7,0 đến 7,9	B	3,0
	từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5
	từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
	từ 5,0 đến 5,4	D+	1,5
	từ 4,0 đến 4,9	D	1,0
Không đạt	Dưới 4,0	F	0

\* Riêng TTTN và ĐATN: Điểm tổng kết học phần từ C trở lên mới được coi là đạt.



<b>Bổ sung</b>		<b>6 TC</b>			<b>3</b>	<b>3</b>							
CH1010C	Hóa học đại cương	3(3-0-0-6)			3								
CH3225C	Hóa hữu cơ	3(3-0-0-6)				3							
<b>II</b>	<b>Cơ sở và cốt lõi ngành</b>	<b>36 TC</b>			<b>9</b>	<b>10</b>	<b>6</b>	<b>2</b>	<b>7</b>	<b>2</b>			
EE2010C	Kỹ thuật điện	3(2-2-0-6)			3								
HE2010C	Kỹ thuật nhiệt	3(3-1-0-6)			3								
ME2015C	Đồ họa kỹ thuật cơ bản	3(3-1-0-6)			3								
ME3190C	Sức bền vật liệu	2(2-0-0-4)				2							
ME3060C	Nguyên lý máy	3(3-0-0-6)					3						
CH3800C	Cơ sở xây dựng nhà công nghiệp	2(2-1-0-4)								2			
TEX3004C	Vật liệu da giày 1	3(2-0-2-6)				3							
TEX3014C	Vật liệu da giày 2	3(2-0-2-6)				3							
TEX3024C	Tiếng Anh chuyên ngành da giày	3(2-2-0-6)					3						
TEX3034C	Quản lý chất lượng sản phẩm da giày	3(3-0-0-6)							3				
TEX3044C	Marketing da giày	2(2-0-0-4)						2					
TEX3054C	Cơ sở mỹ thuật sản phẩm da giày	2(2-1-0-4)				2							
TEX3064C	Quản lý sản xuất da giày	2(2-1-0-4)								2			
TEX3074C	An toàn lao động và môi trường sản xuất da giày	2(2-0-0-4)								2			
<b>III</b>	<b>Thực tập kỹ thuật</b> (thực hiện 4 tuần từ trình độ năm thứ 3)	<b>2TC</b>									2		
TEX4914C	Thực tập kỹ thuật	2(0-0-6-4)									2		
<b>IV</b>	<b>Định hướng ngành</b>	<b>33 TC</b>					<b>9</b>	<b>14</b>	<b>8</b>	<b>2</b>			
TEX4004C	Thiết kế giày cơ bản	3(3-0-0-6)					3						
TEX4014C	Thiết kế sản phẩm da	2(2-0-0-4)					2						
TEX4024C	Thiết kế giày nâng cao	2(1-2-0-4)						2					
TEX4034C	Thực hành thiết kế sản phẩm da giày	3(0-0-6-6)						3					
TEX4044C	Cơ sở tạo mẫu sản phẩm da giày	3(1-0-4-6)						3					
TEX4054C	Tin học ứng dụng trong thiết kế giày	3(0-0-6-6)							3				
TEX4154C	Công nghệ pha cắt vật liệu da giày	2(2-0-0-4)					2						
TEX4164C	Công nghệ may sản phẩm da giày	2(2-0-0-4)					2						
TEX4074C	Thực hành cắt may sản phẩm da giày	3(0-0-6-6)								3			
TEX4084C	Công nghệ gò ráp đế và hoàn tất giày	3(3-0-0-6)							3				
TEX4114C	Thiết bị da giày	3(3-0-0-6)							3				
TEX4124C	Thiết kế công nghệ quá trình sản xuất giày	2(0-0-4-4)								2			
TEX4134C	Thiết kế dây chuyền sản xuất giày	2(2-0-0-4)									2		

<b>V</b>	<b>Chuyên ngành kỹ sư</b>	<b>20 TC</b>							<b>7</b>	<b>13</b>	
TEX5004C	Vệ sinh sinh thái sản phẩm da giày	2(2-0-0-4)							2		
TEX5014C	Thiết kế giày chuyên dụng	2(2-0-0-4)							2		
TEX5024C	Tạo mẫu sản phẩm da giày	3(2-0-2-6)							3		
TEX5034C	Thiết kế phom giày	2(2-0-0-4)								2	
TEX5094C	Định mức và tổ chức lao động khoa học trong sản xuất giày và sản phẩm da	2(2-0-0-4)								2	
TEX5104C	Kiểm tra chất lượng sản phẩm da giày	2(2-0-0-4)								2	
TEX5114C	Công nghệ hóa học trong sản xuất sản phẩm da giày	2(2-0-0-4)								2	
TEX5124C	Thiết kế nhà máy giày	2(1-2-0-4)								2	
TEX5134C	Đồ án thiết kế	3(0-0-6-6)								3	
<b>VI</b>	<b>Đồ án tốt nghiệp</b>	<b>12 TC</b>									<b>12</b>
TEX5924C	Thực tập tốt nghiệp	3(0-0-9-6)									3
TEX5914C	Đồ án tốt nghiệp	9(0-0-18-18)									9
<b>Cộng khối lượng toàn khoá</b>		<b>151 TC</b>	<b>16</b>	<b>17</b>	<b>18</b>	<b>16</b>	<b>15</b>	<b>16</b>	<b>15</b>	<b>13</b>	<b>13</b>

### 7.2.2. Chương trình liên thông, bằng hai hệ vừa làm vừa học

<b>STT/ MÃ SỐ</b>	<b>KHỐI KIẾN THỨC/ TÊN HỌC PHẦN</b>	<b>KHỐI LƯỢNG</b>	<b>Kế hoạch chuẩn</b>			
			<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>
<b>I</b>	<b>Giáo dục đại cương</b>	<b>0 TC</b>				
<b>II</b>	<b>Cơ sở và cốt lõi ngành</b>	<b>20 TC</b>	<b>11</b>	<b>9</b>		
TEX3004C	Vật liệu da giày 1	3(2-0-2-6)	3			
TEX3014C	Vật liệu da giày 2	3(2-0-2-6)	3			
TEX3024C	Tiếng Anh chuyên ngành da giày	3(2-2-0-6)	3			
TEX3034C	Quản lý chất lượng da giày	3(3-0-0-6)		3		
TEX3044C	Marketing da giày	2(2-0-0-4)		2		
TEX3054C	Cơ sở mỹ thuật sản phẩm da giày	2(2-1-0-4)	2			
TEX3064C	Quản lý sản xuất da giày	2(2-1-0-4)		2		
CH3800C	Cơ sở xây dựng nhà công nghiệp	2(2-1-0-4)		2		
<b>III</b>	<b>Thực tập kỹ thuật</b>	<b>0 TC</b>				
<b>IV</b>	<b>Định hướng ngành</b>	<b>20 TC</b>	<b>9</b>	<b>11</b>		
TEX4014C	Thiết kế sản phẩm da	2(2-0-0-4)	2			
TEX4024C	Thiết kế giày nâng cao	2(1-2-0-4)	2			
TEX4044C	Cơ sở tạo mẫu sản phẩm da giày	3(1-0-4-6)	3			
TEX4054C	Tin học ứng dụng trong thiết kế giày	3(0-0-6-6)		3		
TEX4154C	Công nghệ pha cắt vật liệu da giày	2(2-0-0-4)	2			
TEX4164C	Công nghệ may sản phẩm da giày	2(2-0-0-4)		2		

TEX4084CLT	Công nghệ gò ráp đế và hoàn tất giày	2(2-0-0-4)		2		
TEX4124C	Thiết kế công nghệ quá trình sản xuất giày	2(0-0-4-4)		2		
TEX4134C	Thiết kế dây chuyền sản xuất giày	2(2-0-0-4)		2		
<b>V</b>	<b>Chuyên ngành kỹ sư</b>	<b>20 TC</b>			<b>20</b>	
TEX5004C	Vệ sinh sinh thái sản phẩm da giày	2(2-0-0-4)			2	
TEX5014C	Thiết kế giày chuyên dụng	2(2-0-0-4)			2	
TEX5024C	Tạo mẫu sản phẩm da giày	3(2-2-0-6)			3	
TEX5034C	Thiết kế phom giày	2(2-0-0-4)			2	
TEX5094C	Định mức và tổ chức lao động trong công nghiệp giày	2(2-0-0-4)			2	
TEX5104C	Kiểm tra chất lượng sản phẩm da giày	2(2-0-0-4)			2	
TEX5114C	Công nghệ hóa học trong sản xuất sản phẩm da giày	2(2-0-0-4)			2	
TEX5124C	Thiết kế nhà máy giày	2(1-2-0-4)			2	
TEX5134C	Đồ án thiết kế	3(0-0-6-6)			3	
<b>VI</b>	<b>Đồ án tốt nghiệp</b>	<b>12 TC</b>				<b>12</b>
TEX5924C	Thực tập tốt nghiệp	3(0-0-9-6)				3
TEX5914C	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư	9(0-0-18-18)				9
	<b>Cộng khối lượng toàn khoá</b>	<b>72 TC</b>	<b>20</b>	<b>20</b>	<b>20</b>	<b>12</b>

Đối với sinh viên tốt nghiệp cao đẳng, đại học các ngành khác ngành Công nghệ Da giày cần học bổ sung các học phần sau:

MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	KHỐI LƯỢNG
TEX4004C	Thiết kế giày cơ bản	3(3-0-0-6)
TEX4034C	Thực hành thiết kế sản phẩm da giày	3(0-0-6-6)
TEX4074C	Thực hành cắt may sản phẩm da giày	3(0-0-6-6)
TEX4114C	Thiết bị da giày	3(3-0-0-6)